

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét

**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo quyết định số 2314/QĐ.UB ngày 09 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần số 5403000021 ngày 09 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 28 tháng 05 năm 2010 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc, ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Lương Văn Hóa	Chủ tịch HĐQT	
- Ông Nguyễn Thanh Tông	Phó Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 22/04/2010
- Ông Nguyễn Hữu Trung	Ủy viên	
- Ông Nguyễn Văn Cần	Ủy viên	
- Ông Phạm Trung Nghĩa	Ủy viên	
- Ông Nguyễn Thanh Tông	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2010

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lương Văn Hóa	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Tông	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Nguyễn Văn Ân	Trưởng Ban Kiểm soát	
- Bà Đặng Thị Hương	Thành viên	
- Ông Trương Hải Bằng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 22/04/2010
- Bà Đỗ Thị Thu Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2010

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 150, đường 14/09, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4. Hoạt động kinh doanh

Trong năm, Nhóm công ty có các hoạt động như sau: Dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Ngoài ra, Nhóm công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty.

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 08 năm 2010

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯƠNG VĂN HÓA

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010
của Công ty Cổ Phần Dược phẩm Cửu Long

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
GIÁM ĐỐC
Chứng chỉ KTV số: 0173/KTV

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
KIỂM TOÁN VIÊN
Chứng chỉ KTV số: 0600/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		458.189.795.527	375.384.603.304
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	<i>5.1</i>	5.311.659.632	26.012.710.567
Tiền	111		5.311.659.632	26.012.710.567
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	<i>5.2</i>	272.538.636.773	224.772.723.777
Phải thu khách hàng	131		258.988.636.914	208.028.044.420
Trả trước cho người bán	132		14.955.453.376	16.498.883.626
Phải thu nội bộ	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		6.338.763.886	7.925.617.434
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.744.217.403)	(7.679.821.703)
Hàng tồn kho	140	<i>5.3</i>	161.404.462.181	112.276.609.414
Hàng tồn kho	141		164.033.300.718	114.656.258.931
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.628.838.537)	(2.379.649.517)
Tài sản ngắn hạn khác	150	<i>5.4</i>	18.935.036.941	12.322.559.546
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.613.967.294	841.703.460
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.582.530.436	866.184.325
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		296.579.978	429.117.169
Tài sản ngắn hạn khác	158		12.441.959.233	10.185.554.592
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.149.266.185	265.335.232.947
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		264.219.769.668	264.405.736.430
Tài sản cố định hữu hình	221	<i>5.5</i>	244.182.054.637	250.188.564.288
- Nguyên giá	222		403.057.507.585	396.546.822.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.875.452.948)	(146.358.257.832)
Tài sản cố định vô hình	227	<i>5.6</i>	13.993.267.527	13.993.267.527
- Nguyên giá	228		13.993.267.527	13.993.267.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>5.7</i>	6.044.447.504	223.904.615
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		929.496.517	929.496.517
Chi phí trả trước dài hạn	261		929.496.517	929.496.517
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		723.339.061.712	640.719.836.251

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		429.288.140.736	351.114.451.370
Nợ ngắn hạn	310		340.222.980.563	252.029.224.094
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	233.869.163.789	141.298.392.515
Phải trả người bán	312	5.9	54.844.860.597	61.838.641.461
Người mua trả tiền trước	313	5.9	7.708.055.886	4.910.043.345
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	3.125.224.909	6.426.161.232
Phải trả người lao động	315		545.042.742	937.893.402
Chi phí phải trả	316	5.11	11.504.892.868	12.404.628.704
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	14.865.722.842	13.293.431.081
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.13	13.760.016.930	10.920.032.354
Nợ dài hạn	330	5.14	89.065.160.173	99.085.227.276
Vay và nợ dài hạn	334		88.842.210.918	98.886.260.918
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		222.949.255	198.966.358
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		294.050.920.976	289.605.384.881
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	293.827.520.969	289.477.216.720
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.193.080.000	97.193.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		110.502.361.661	110.556.760.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	(242.200.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(814.037.943)	(936.025.878)
Quỹ đầu tư phát triển	417		48.931.450.727	29.348.446.285
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.715.878.889	4.893.964.861
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		9.017.858.890	9.017.858.890
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.260.761.895	39.625.165.712
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		20.166.850	20.166.850
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		223.400.007	128.168.161
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		223.400.007	128.168.161
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		723.339.061.712	640.719.836.251

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài (VND)		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VND)		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
Ngoại tệ các loại			-
Đồng Đôla Mỹ (USD)		25.110,27	12.094,09
Đồng Euro (EUR)		8,76	8,76
Đồng Đôla Canada (CAD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án (VND)		-	-

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VĂN THANH HẢI****LƯƠNG VĂN HÓA**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	302.136.481.792	253.000.470.467
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.987.498.575	2.254.078.092
- Giảm giá hàng bán	05		7.790.940	13.335.424
- Hàng bán bị trả lại	06		2.979.707.635	2.240.742.668
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10		299.148.983.217	250.746.392.375
Giá vốn hàng bán	11	6.2	233.512.406.200	187.795.230.164
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		65.636.577.017	62.951.162.211
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	506.702.026	436.120.206
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	14.875.501.493	14.974.183.893
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.000.831.876</i>	<i>10.875.347.104</i>
Chi phí bán hàng	24	6.5	12.874.562.978	11.422.689.521
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	9.925.901.092	6.570.477.719
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.467.313.480	30.419.931.284
Thu nhập khác	31	6.7	1.413.064.680	1.091.609.558
Chi phí khác	32	6.8	667.829.614	1.195.081.599
Lợi nhuận khác	40		745.235.066	(103.472.041)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.212.548.546	30.316.459.243
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.631.911.118	2.061.589.163
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.580.637.428	28.254.870.080
LN sau thuế TNDN của cổ đông thiểu số	61		(14.620.946)	(8.812.149)
LN sau thuế TNDN của cổ đông của Công ty mẹ	62		27.595.258.374	28.263.682.229
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.839	2.909

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VĂN THANH HẢI****LƯƠNG VĂN HÓA**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	01	240.078.259.077	207.182.920.677
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(70.622.815.737)	(82.186.811.672)
- Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.010.780.414)	(18.642.901.182)
- Tiền chi lãi vay	04	(14.000.831.876)	(14.865.190.782)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.623.975.212)	(5.683.491.272)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.122.348.882	10.394.414.038
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(52.637.678.957)	(34.706.783.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		90.304.525.763	61.492.156.619
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.515.403.268)	(4.508.016.705)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.515.403.268)	(4.508.016.705)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	76.566.829.657	65.679.636.578
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(173.630.338.683)	(106.711.569.216)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.426.664.404)	(7.208.235.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(107.490.173.430)	(48.240.167.638)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(20.701.050.935)	8.743.972.276
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.012.710.567	13.384.087.807
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.311.659.632	22.128.060.083

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VĂN THANH HẢI****LƯƠNG VĂN HÓA**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA 03 CÔNG TY (NHÓM CÔNG TY)

1.1 Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần và Công ty TNHH

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và thương mại

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính : Kinh doanh dược phẩm

1.4 Tổng số công ty con : 02 công ty

1.5 Thông tin về công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ
Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm và trang thiết bị y tế (MISC).	số 11 đường Lanexang, Bản Hatsady, Quận Hanthaboury, Lào	62%	62%
Công ty TNHH 1TV Dược phẩm Mêkông (*)	số 56-58 đường 3/2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	100%	100%

(*) Công ty này đã đi vào hoạt động từ tháng 02 năm 2010, Theo giấy phép hoạt động kinh doanh, vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long chưa đầu tư vốn vào công ty này.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Nguyên tắc hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con mà công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn công ty, các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ:

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận như sau:

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại được ghi nhận như sau:
 - * Đối với các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm mà được trình bày trong khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.
 - * Đối với các khoản phải thu dài hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
 - * Đối với các khoản phải trả dài hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Trường hợp chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải trả này tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho các năm sau nhưng không quá 5 năm để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lựa chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong kỳ tài chính.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	03 – 25
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08

Trong khoản mục máy móc thiết bị của Công ty có dây chuyền thiết bị Capsule I có giá trị 83.646.771.325 đồng được khấu hao từ năm 2000 với thời gian khấu hao 25 năm theo Công văn số 9959 TC/CSTC ngày 12/09/2002 của Bộ Tài Chính.

4.6. Khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác:

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ,...được phân bổ theo tình hình kết quả kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

4.8. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

4.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

4.10. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/(giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp.

4.12. Doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Tiền lãi, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính:

Bao gồm chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí hoạt động tài chính khác.

4.14. Thuế:

Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của nhóm công ty:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại: Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính; Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm, tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long là 25%.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm (2005, 2006)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Giảm 50% thuế TNDN cho 5 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2011)

Thuế suất thuế TNDN là 20% trong vòng 10 năm kể từ khi chuyển thành Công ty cổ phần (từ năm 2004 đến năm 2014).

* Ưu đãi đối với các dự án đầu tư Nhà máy sản xuất

+ Đối với Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Capsule 2 theo giấy chứng nhận đầu tư số 5412100017 ngày 28/01/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Long:

- Được miễn thuế TNDN 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 2 (hai) năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư xây dựng dây chuyền SX mới, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất mang lại (khoản 1 điều 36 Nghị định 24/2007/NĐ-CP).
- Được miễn thuế TNDN cho các phần thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm trong kỳ sản xuất thử nghiệm theo đúng quy trình sản xuất nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu sản xuất thử nghiệm sản phẩm (khoản 2 điều 37 Nghị định 24/2007/NĐ-CP).

+ Đối với Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh đạt tiêu chuẩn GMP-WHO theo giấy chứng nhận đầu tư số 54.1.2.1.000018 ngày 28/01/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Dự án được ưu đãi sau:

- Mức thuế suất 10% áp dụng trong thời hạn 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (khoản 3 Điều 34 Nghị định 24/2007/NĐ-CP).
- Được miễn thuế TNDN 4 (bốn) năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 9 (chín) năm tiếp theo đối với cơ sở mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (khoản 5 Điều 35 Nghị định 24/2007/NĐ-CP).
- Được miễn thuế TNDN cho các phần thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm trong kỳ sản xuất thử nghiệm theo đúng quy trình sản xuất, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày bắt đầu sản xuất thử nghiệm sản phẩm (khoản 2 điều 37 Nghị định 24/2007/NĐ-CP).

Các báo cáo thuế thể hiện trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Khoản sai biệt giữa thuế phải nộp theo sổ sách kế toán của nhóm công ty và số thuế phải nộp khi cơ quan thuế quyết toán (nếu có) sẽ được điều chỉnh khi có kết quả quyết toán thuế.

4.15. Lãi trên cổ phiếu:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

4.16. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

4.17. Tái phân loại:

Một số tài khoản trong báo cáo tài chính của năm 2009 đã được tái phân loại cho phù hợp với sự trình bày trong năm 2010 theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Tiền mặt	925.882.545	747.655.607
Tiền mặt tại quỹ (VND)	841.477.145	747.655.607
Công ty CPDP Cửu Long	828.352.492	746.482.160
Công ty con (MISC)	3.502.000	1.173.447
Công ty Con (DP Mêkông)	9.622.653	-
Tiền mặt tại quỹ (USD) - Công ty CPDP Cửu Long (i)	84.405.400	-
Tiền gửi ngân hàng	3.870.550.514	25.187.200.556
Tiền gửi ngân hàng (VND)	3.489.890.513	25.052.706.494
Công ty CPDP Cửu Long	3.468.939.236	25.051.349.994
Công ty Con (DP Mêkông)	20.951.277	-
Công ty Con (MISC)	-	1.356.500
Tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ) - Công ty CPDP Cửu long (ii)	380.660.001	134.494.062
Tiền đang chuyển	515.226.573	77.854.404
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>5.311.659.632</u>	<u>26.012.710.567</u>

(i) Số dư tiền mặt ngoại tệ Công ty CPDP Cửu tại 30/06/2010 là 4.600 USD, tương đương 84.405.400 đồng.

(ii) Chi tiết tiền gửi ngân hàng ngoại tệ Công ty CPDP Cửu tại ngày 30/06/2010 gồm có:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi ngân hàng (USD)	20.510,27	380.428.310
Tiền gửi ngân hàng (EUR)	8,76	231.691
Cộng		<u>380.660.001</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Phải thu khách hàng	258.988.636.914	208.028.044.420
Công ty CPDP Cửu Long (i)	256.962.856.790	206.196.563.483
Công ty Con (DP Mêkông)	233.799.187	-
Công ty Con (MISC)	1.791.980.937	1.831.480.937
Trả trước cho người bán Công ty CPDP Cửu Long	14.955.453.376	16.498.883.626
(ii)		
Các khoản phải thu khác	6.338.763.886	7.925.617.434

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Công ty CPDP Cửu Long (iii)	4.044.686.398	5.631.539.946
Công ty Con (MISC)	2.294.077.488	2.294.077.488
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi Công ty CPDP Cửu Long (iv)	(7.744.217.403)	(7.679.821.703)
Cộng	272.538.636.773	224.772.723.777

(i) Chi tiết phải thu khách hàng Công ty CPDP Cửu Long như sau:

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Phải thu của khách hàng tại Công ty	3.081.316.665	177.817.007.279
Phải thu khách hàng ngành hàng Dược phẩm	148.571.686.519	-
Phải thu khách hàng ngành hàng Capsule	30.213.192.867	-
Phải thu khách hàng ngành hàng dụng cụ y tế	10.899.809.276	-
Phải thu khách hàng ngành hàng ngoài	45.650.437.042	2.985.702.790
Phải thu của khách hàng ủy thác	4.104.821.200	3.889.806.307
Phải thu khác	14.441.593.221	21.504.047.107
Cộng	256.962.856.790	206.196.563.483

(ii) Chi tiết trả trước cho người bán Công ty CPDP Cửu Long như sau:

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Phải trả vật tư, bao bì, hóa chất	77.002.212	-
Phải trả Liên kết liên doanh (Trung tâm Dược)	5.509.999	8.308.112
Phải trả nước ngoài	6.856.897.211	5.089.958.195
Công nợ phải trả khác	8.016.043.954	11.400.617.319
Cộng	14.955.453.376	16.498.883.626

(iii) Chi tiết phải thu khác như sau:

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Phải thu tiền bán cổ phần hóa	126.000.000	130.900.000
Nợ phải thu khác khó đòi	3.667.708.808	3.667.708.808
Nợ phải thu khác	250.977.590	1.832.931.138
Cộng	4.044.686.398	5.631.539.946

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

(iv) Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi Công ty CPDP Cửu Long như sau:

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Dự phòng phải thu khách hàng	4.076.508.595	4.012.112.895
Drug Sivilay (Lào)	1.310.050.560	1.310.050.560
Bừu Tâm	746.624.004	746.624.004
Nợ thuế GTGT đầu vào các chi nhánh	710.958.156	710.958.156
Các đối tượng khác	1.308.875.875	1.244.480.175
Dự phòng khoản phải thu khác	3.667.708.808	3.667.708.808
Cộng	7.744.217.403	7.679.821.703

5.3. Hàng tồn kho

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	62.025.551.092	46.501.364.892
Công cụ, dụng cụ	3.041.506.372	3.441.971.957
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.461.900.440	11.797.034.689
Thành phẩm	56.512.923.208	34.509.346.274
Hàng hóa	22.991.419.606	18.406.541.119
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	22.797.653.495	18.336.504.844
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	123.729.836	-
<i>Công ty Con (MISC)</i>	70.036.275	70.036.275
Cộng	164.033.300.718	114.656.258.931
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.628.838.537)	(2.379.649.517)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	161.404.462.181	112.276.609.414

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.613.967.294	841.703.460
<i>Công ty CPDP Cửu long</i>	(i) 2.583.269.184	841.703.460
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	30.698.110	-
Thuế GTGT được khấu trừ	3.582.530.436	866.184.325
<i>Công ty CPDP Cửu long</i>	3.522.051.486	866.184.325
<i>Công ty Con (MISC)</i>	60.478.950	-
Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước	296.579.978	429.117.169
Tài sản ngắn hạn khác	12.441.959.233	10.185.554.592

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Công ty CPDP Cửu Long	(ii) 12.267.621.735	10.185.554.592
Công ty Con (MISC)	165.314.069	-
Công ty Con (DP Mêkông)	9.023.429	-
Cộng	18.935.036.941	12.322.559.546

(i) Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty CPDP Cửu long tại 30/06/2010 như sau:

	30/06/2010 (VND)
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	757.186.209
Nguyên vật liệu hư hỏng	1.203.931.603
Chi phí trả trước khác	622.151.372
Cộng	2.583.269.184

(ii) Chi tiết tài sản ngắn hạn khác của Công ty CPDP Cửu long tại 30/06/2010 như sau:

	30/06/2010 (VND)
Tạm ứng	4.899.595.907
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	6.652.112.736
Tài sản thiếu chờ xử lý	715.913.092
Cộng	12.267.621.735

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2010	79.073.051.156	308.305.149.522	7.189.679.372	1.978.942.070	-	396.546.822.120
- Mua trong năm	827.102.369	4.913.024.699	608.180.669	105.077.273	98.525.455	6.551.910.465
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.225.000)	-	-	(41.225.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2010	79.900.153.525	313.218.174.221	7.756.635.041	2.084.019.343	98.525.455	403.057.507.585
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại ngày 01/01/2010	13.315.655.095	127.468.521.306	3.960.791.535	1.613.289.896	-	146.358.257.832
- Khấu hao trong năm	2.285.020.791	10.040.871.296	172.608.564	59.919.465	-	12.558.420.116
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.225.000)	-	-	(41.225.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2010	15.600.675.886	137.509.392.602	4.092.175.099	1.673.209.361	-	158.875.452.948
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2010	65.757.396.061	180.836.628.216	3.228.887.837	365.652.174	-	250.188.564.288
Tại ngày 30/06/2010	64.299.477.639	175.708.781.619	3.664.459.942	410.809.982	98.525.455	244.182.054.637

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 28.908.856.486 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Công ty CPDP Cửu Long	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2010	13.993.267.527	-	-	13.993.267.527
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2010	13.993.267.527	-	-	13.993.267.527
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại ngày 01/01/2010	13.993.267.527	-	-	13.993.267.527
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2010	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2010	13.993.267.527	-	-	13.993.267.527
Tại ngày 30/06/2010	13.993.267.527	-	-	13.993.267.527

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công ty CPDP Cửu Long	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Công trình xưởng nhỏ mắt	1.495.032.926	223.904.615
Công trình nhà máy kháng sinh	2.868.026.396	-
Công trình nhà máy Capsule II (phụ trợ)	1.681.388.182	-
Cộng	6.044.447.504	223.904.615

5.8. Nợ ngắn hạn

Công ty CPDP Cửu Long	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Vay ngắn hạn	(i) 233.869.163.789	141.298.392.515
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	233.869.163.789	141.298.392.515

(i) Chi tiết khoản vay ngắn hạn vào ngày 30/06/2010 như sau:

- Chi tiết tại Ngân hàng Á Châu - CN Vĩnh Long như sau:

Hợp đồng vay số: VIL.DN.01220410 ngày 22 tháng 04 năm 2010

Hạn mức tín dụng: 75.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất vay trong hạn: thỏa thuận theo từng thời điểm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 6 tháng theo từng giấy nhận nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Hình thức đảm bảo: Hàng tồn kho trị giá 100 tỷ đồng

Dư nợ 30/06/2010: 22.826.702.966 đồng (A)

- Chi tiết tại Ngân hàng HSBC - CN TP. HCM như sau:

Hợp đồng vay số: 001-709948 ngày 23 tháng 06 năm 2009

Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động nhập hàng

Lãi suất vay trong hạn: thỏa thuận theo từng thời điểm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 6 tháng

Hình thức đảm bảo: Thế chấp 100% công nợ phải thu

Dư nợ 30/06/2010: 6.491.422.708 đồng (B)

- Chi tiết tại Ngân hàng INDOVINA - TP. HCM như sau:

Hợp đồng vay số: 16350/IVB/CAD ngày 12 tháng 04 năm 2010

Hạn mức tín dụng: 1.000.000 USD

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất vay trong hạn: Đối với VND theo từng khế ước nhận nợ, Đối với USD là 5%/ năm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 30/06/2010

Hình thức đảm bảo: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.

Dư nợ 30/06/2010: 8.621.365.339 đồng (C)

- Chi tiết tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN Vĩnh Long như sau:

Hợp đồng vay số: LD10012001198 ngày 02 tháng 01 năm 2010

Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất vay trong hạn: thỏa thuận theo từng thời điểm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ

Hình thức đảm bảo: Thế chấp các tài sản sau

+ Lô đất có quyền sử dụng đất của công ty số 15764/99

+ Lô đất có quyền sử dụng đất của công ty số AĐ493723

+ Toàn bộ công trình theo giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số: 2079/QĐ.UBND00101

+ Tài sản hình thành từ vốn vay là thuốc tân dược thành phẩm và hạt nhựa nhập khẩu.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 42.894.000.000 đồng

Dư nợ 30/06/2010: 27.873.692.083 đồng (D)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

- Chi tiết tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Vĩnh Long như sau:

Hợp đồng vay số: 0991/2010/HĐ ngày 30 tháng 06 năm 2010

Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất vay trong hạn: thỏa thuận theo từng thời điểm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ

Hình thức đảm bảo: Thế chấp các tài sản sau

+ Thế chấp nhà máy capsule

+ Các khoản phải thu, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng

Dư nợ 30/06/2010: 83.099.502.707 đồng (E)

- Chi tiết tại Ngân hàng Quân Đội - CN Cần Thơ như sau:

Hợp đồng vay số: 54.09.CT.HM.345764.01 ngày 26 tháng 03 năm 2009

Hạn mức tín dụng: 51.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất vay trong hạn: thỏa thuận theo từng thời điểm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ

Hình thức đảm bảo: Hàng tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 77.000.000.000 đồng.

Dư nợ 30/06/2010: 28.322.988.254 đồng (F)

- Chi tiết tại Ngân hàng Công Thương - CN Vĩnh Long như sau:

Hợp đồng vay số: 10080080 ngày 23 tháng 03 năm 2010

Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất vay trong hạn: thỏa thuận theo từng thời điểm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ

Hình thức đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại tỉnh Vĩnh Long, quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền trên đất tại tỉnh Sóc Trăng và thành phố Đà Nẵng. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 32.290.000.000 đồng.

Dư nợ 30/06/2010: 56.633.489.732 đồng (G)

Cộng (A) + (B) + (C) + (D) + (E) + (F) + (G) = 233.869.163.789 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Phải trả người bán	54.844.860.597	61.838.641.461
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	(i) 54.410.038.759	61.838.641.461
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	434.821.838	-
Người mua trả tiền trước Công ty CPDP Cửu Long	(ii) 7.708.055.886	4.910.043.345
Cộng	62.552.916.483	66.748.684.806

(i) Chi tiết phải trả người bán Công ty CPDP Cửu Long như sau:

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Phải trả vật tư, bao bì, hóa chất	15.191.297.783	11.360.123.479
Phải trả liên kết liên doanh (Trung tâm Dược)	7.997.021.890	4.053.677.126
Công nợ phải trả mặt hàng y tế (Vikimco)	2.816.207.255	2.223.156.916
Phải trả công nợ nước ngoài	(*) 24.735.227.771	42.613.215.564
Phải trả liên kết nội (Phòng KD), Vikimco	3.587.150.552	54.191.838
Công nợ phải trả khác	83.133.508	1.534.276.538
Cộng	54.410.038.759	61.838.641.461

(*) Chi tiết phải trả nước ngoài Công ty CPDP Cửu Long tại ngày 30/06/2010 gồm có:

	Nguyên tệ	VND
Phải trả nước ngoài VND		117.589.119
Phải trả nước ngoài USD	1.326.588,23 #	24.600.252.137
Phải trả nước ngoài EUR	74,00 #	17.386.515
Cộng		24.735.227.771

(ii) Chi tiết người mua trả tiền trước Công ty CPDP Cửu Long như sau:

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Phải thu của khách hàng tại Công ty	119.934.667	1.751.458.515
Phải thu khách hàng ngành hàng Dược phẩm	34.078.678	-
Phải thu khách hàng ngành hàng Capsule	14.050.166	-
Phải thu khách hàng ngành hàng dụng cụ y tế	10.112.006	-
Phải thu khách hàng ngành hàng ngoài	1.005.652.127	35.404.667
Phải thu của khách hàng ủy thác	4.270.704.849	1.367.259.654
Phải thu khác	2.253.523.393	1.755.920.509
Cộng	7.708.055.886	4.910.043.345

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.578.587.816	3.959.254.505
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	<i>1.578.379.270</i>	<i>3.959.254.505</i>
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	<i>208.546</i>	-
Thuế xuất nhập khẩu Công ty CPDP Cửu Long	313.804.705	242.010.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.232.832.388	2.224.896.482
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	<i>1.231.059.393</i>	<i>2.224.896.482</i>
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	<i>1.772.995</i>	-
Cộng	3.125.224.909	6.426.161.232

5.11. Chi phí phải trả

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả (Capsule I)	8.492.929.583	9.222.929.583
Chi phí lãi vay phải trả (Kháng sinh)	3.011.963.282	3.011.963.282
Trích trước chi phí bán hàng	3	169.735.839
Cộng	11.504.892.868	12.404.628.704

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Kinh phí công đoàn	38.278.149	176.951.527
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	<i>38.174.900</i>	<i>176.951.527</i>
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	<i>103.249</i>	-
Bảo hiểm xã hội	84.164.516	33.660.594
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	<i>82.308.564</i>	<i>33.660.594</i>
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	<i>1.855.952</i>	-
Bảo hiểm y tế	347.991	-
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	<i>347.991</i>	-
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	-	-
Phải trả, phải nộp khác	14.742.932.186	13.082.818.960
<i>Công ty CPDP Cửu Long</i>	<i>14.741.076.189</i>	<i>13.082.818.960</i>
<i>Công ty Con (DP Mêkông)</i>	<i>1.855.997</i>	-
Cộng	14.865.722.842	13.293.431.081

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

(i) Chi tiết khoản phải trả, phải nộp khác Công ty CPDP Cửu Long như sau:

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Phải trả cổ tức (*)	13.641.467.500	11.832.647.500
Phải trả về cổ phần hóa	1.099.608.689	1.250.171.460
Cộng	<u>14.741.076.189</u>	<u>13.082.818.960</u>

(*) Chi tiết khoản phải trả cổ tức Công ty CPDP Cửu Long tại 30/06/2010 như sau:

	<u>30/06/2010</u> (VND)
Tổng Công ty quản lý vốn Nhà Nước (SCIC)	13.585.000.000
Đối tượng khác	56.467.500
Cộng	<u>13.641.467.500</u>

5.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Công ty CPDP Cửu Long	Số dư đầu kỳ	Trích lập quỹ	Sử dụng quỹ	Số dư cuối kỳ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.920.032.354	8.645.742.089	5.805.757.513	13.760.016.930

5.14. Vay và nợ dài hạn

Công ty CPDP Cửu Long	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Vay và nợ dài hạn (i)	88.842.210.918	98.886.260.918
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	222.949.255	198.966.358
Cộng	<u>89.065.160.173</u>	<u>99.085.227.276</u>

(i) Chi tiết vay trung hạn và dài hạn tại ngày 30/06/2010 như sau:

- Chi tiết tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN Vĩnh Long (Vay dài hạn Capsule) như sau:

Hợp đồng vay số: 1469/2007/HĐ ngày 01 tháng 11 năm 2007

Hạn mức tín dụng: 80.500.000.000 đồng

Mục đích vay: Xây dựng nhà máy sản xuất Capsule

Lãi suất vay trong hạn: 1,05%/tháng

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 84 tháng

Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay

Dư nợ 30/06/2010: 60.055.432.190 đồng (A)

- Chi tiết tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN Vĩnh Long (Vay dài hạn Kháng sinh) như sau:

Hợp đồng vay số: 1470/2007/HĐ ngày 01 tháng 11 năm 2007

Hạn mức tín dụng: 21.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Xây dựng nhà máy thuốc kháng sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Lãi suất vay trong hạn: từ 1,05%/tháng – 1,14%/tháng

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 84 tháng

Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay

Dư nợ 30/06/2010: 18.700.912.385 đồng (B)

- Chi tiết tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – CN Vĩnh Long như sau:

*** Hợp đồng vay số: LD 0917763901 ngày 26 tháng 06 năm 2009**

Hạn mức tín dụng: 1.500.000.000 đồng

Mục đích vay: Mua máy phát điện

Lãi suất vay trong hạn: Đối với VND theo từng khế ước nhận nợ, Đối với USD là 5%/ năm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 60 tháng

Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay

*** Hợp đồng vay số: LD 0930800119 ngày 26 tháng 06 năm 2009**

Hạn mức tín dụng: 6.400.000.000 đồng

Mục đích vay: Mua máy phát điện

Lãi suất vay trong hạn: Đối với VND theo từng khế ước nhận nợ, Đối với USD là 5%/ năm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 60 tháng

Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay

Dư nợ 30/06/2010: 7.021.866.343 đồng (C)

- Chi tiết tại Ngân hàng Quân Đội – CN Cần Thơ như sau:

Hợp đồng vay số: 165.09.0451.345764.TD ngày 15 tháng 10 năm 2009

Hạn mức tín dụng: 1.568.000.000 đồng

Mục đích vay: Mua xe tải

Lãi suất vay trong hạn: thỏa thuận theo từng thời điểm

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn cho vay: 24 tháng

Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay

Dư nợ 30/06/2010: 3.064.000.000 đồng (D)

Cộng (A) + (B) + (C) + (D) = 88.842.210.918 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.15. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của Chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn</i>	<i>Chênh lệch tỉ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Nguồn vốn ĐTXBCB</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	97.193.080.000	110.556.760.000	(242.200.000)	9.017.858.890	-	2.589.074.967	10.147.314.777	40.414.178.383	20.166.850	269.676.067.017
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	56.472.022.782	-	56.472.022.782
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	8.005.127	-	8.005.127
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	2.304.889.894	20.300.740.197	(35.691.481.216)	-	(13.085.851.125)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	-	(936.025.878)	-	-	-	-	(936.025.878)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(19.431.696.000)	-	(19.431.696.000)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(1.040.000.000)	-	(1.040.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.099.608.689)	(1.105.863.363)	-	(2.205.472.052)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	97.193.080.000	110.556.760.000	(242.200.000)	9.017.858.890	(936.025.878)	4.893.964.861	29.348.446.285	39.625.165.713	20.166.850	289.986.625.425
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	27.595.258.374	-	27.595.258.374
Bán cổ phiếu quỹ	-	(54.398.339)	242.200.000	-	-	-	-	-	-	187.801.661
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	2.821.914.028	19.583.004.442	(30.870.660.559)	-	(8.465.742.089)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	-	121.987.935	-	-	-	-	121.987.935
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(14.578.962.000)	-	(14.578.962.000)
Chi thù lao BKS	-	-	-	-	-	-	-	(120.000.000)	-	(120.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(390.039.633)	-	(390.039.633)
Số dư cuối kỳ	97.193.080.000	110.502.361.661	-	9.017.858.890	(814.037.943)	7.715.878.889	48.931.450.727	21.260.761.895	20.166.850	293.827.520.969

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vốn góp của Nhà Nước	36.036.000.000	37,08	36.036.000.000	37,08
Vốn góp của các cổ đông khác	61.157.080.000	62,92	61.157.080.000	62,92
Cộng	97.193.080.000	100,00	97.193.080.000	100,00

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia lợi nhuận

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Vốn góp đầu năm	97.193.080.000	97.193.080.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	97.193.080.000	97.193.080.000
Lợi nhuận đã chia	14.578.962.000	19.431.696.000

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

	-	-
--	---	---

Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.719.308	9.719.308
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.719.308	9.719.308
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.719.308	9.719.308
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	3.460
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	3.460
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.719.308	9.715.848
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.719.308	9.715.848
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Cổ phiếu ưu đãi: Không

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	48.931.450.727	29.348.446.285
Quỹ dự phòng tài chính	7.715.878.889	4.893.964.861
Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.760.016.930	10.920.032.354
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	9.017.858.890	9.017.858.890
Cộng	<u>79.425.205.436</u>	<u>54.180.302.390</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>6 tháng đầu năm 2010 (VND)</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009 (VND)</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.136.481.792	253.000.470.467
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.987.498.575	2.254.078.092
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	7.790.940	13.335.424
- Hàng bán bị trả lại	2.979.707.635	2.240.742.668
Doanh thu thuần	<u>299.148.983.217</u>	<u>250.746.392.375</u>

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>6 tháng đầu năm 2010 (VND)</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009 (VND)</u>
Giá vốn hàng bán	233.512.406.200	187.795.230.164
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	<u>233.512.406.200</u>	<u>187.795.230.164</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>6 tháng đầu năm 2010 (VND)</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009 (VND)</u>
Lãi tiền gửi	243.595.640	156.727.439
Lãi chênh lệch tỷ giá	180.181.692	-
Hỗ trợ lãi suất	58.264.138	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24.660.556	279.392.767
Cộng	<u>506.702.026</u>	<u>436.120.206</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 (VND)	6 tháng đầu năm 2009 (VND)
Chi phí lãi vay	14.000.831.876	10.875.347.104
Chi phí hoạt động tài chính khác	874.669.617	4.098.836.789
Cộng	14.875.501.493	14.974.183.893

6.5. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2010 (VND)	6 tháng đầu năm 2009 (VND)
Chi phí đồ dùng, bán hàng	65.516.809	50.870.045
Chi phí nhân viên bán hàng	3.033.298.165	2.747.394.724
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.191.536	160.047.699
Chi phí vật liệu	214.525.034	215.643.734
Chi phí bằng tiền khác	9.355.031.434	8.248.733.319
Cộng	12.874.562.978	11.422.689.521

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2010 (VND)	6 tháng đầu năm 2009 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	4.482.036.257	4.472.911.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	233.376.511	142.870.892
Dự phòng phải thu khó đòi	64.395.700	-
Chi phí bằng tiền khác	5.146.092.624	1.954.695.074
Cộng	9.925.901.092	6.570.477.719

6.7. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2010 (VND)	6 tháng đầu năm 2009 (VND)
Hoàn nhập dự phòng	-	382.803.040
Nhập thừa hàng hóa, nguyên liệu	204.429.101	175.951.165
Thanh lý tài sản cố định, vật tư	57.900.000	-
Thu tiền bán hồ sơ đấu thầu	135.000.000	13.000.000
Thu tiền lãi, điện nước của CB-CNV	28.497.369	8.585.357
Thu bù hàng	38.200.000	53.468.100
Kết chuyển chênh lệch công nợ	50.476.342	-
Phí ủy thác	203.578.728	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

	6 tháng đầu năm 2010 (VND)	6 tháng đầu năm 2009 (VND)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá công nợ	670.579.975	26.653.900
Thu nhập khác	24.403.165	431.147.996
Cộng	1.413.064.680	1.091.609.558

6.8. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2010 (VND)	6 tháng đầu năm 2009 (VND)
Thu nhập từ hoàn thuế năm 2008, quý 1 năm 2009	-	347.703.280
Chi phí hủy sản phẩm	661.172.360	816.578.693
Chi phí khác	6.657.254	30.799.626
Cộng	667.829.614	1.195.081.599

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2010 (VND)
Tổng lợi nhuận trước thuế	29.212.548.546
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
Tổng thu nhập chịu thuế	29.212.548.546
Tổng thuế TNDN chưa miễn giảm	5.721.918.687
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 100%	(2.459.869.445)
Thuế TN ưu đãi đầu tư (giảm 50%) do cổ phần hóa	(1.630.138.124)
Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.631.911.118
Lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN	27.580.637.428

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u> (VND)	<u>6 tháng đầu năm 2009</u> (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.595.258.374	28.263.682.229
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cổ đông sở hữu CP phổ thông	27.595.258.374	28.263.682.229
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.719.308	9.715.848
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.839	2.909

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Lương + thù lao cho nhân sự lãnh đạo chủ chốt

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u> (VND)	<u>6 tháng đầu năm 2009</u> (VND)
Lương Ban Tổng Giám đốc	640.800.000	643.800.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.278.000.000	1.070.000.000
Cộng	1.918.800.000	1.713.800.000

7.2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động công ty

Chỉ tiêu	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	36,66%	41,36%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	63,34%	58,64%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	59,35%	54,81%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	40,65%	45,19%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	1,68 lần	1,82 lần
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,35 lần	1,49 lần
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	0,02 lần	0,1 lần

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	9,70%	12,04%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	9,16%	11,22%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	4,04%	4,73%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,81%	4,41%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	9,39%	9,75%

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VĂN THANH HẢI****LƯƠNG VĂN HÓA**